AN PHAT DAT Crane Equipment Co., Ltd.

CỔNG TRỤC
GANTRY CRANES

BÁN CỔNG TRỤC
SEMI GANTRY CRANES

HỒ SƠ NĂNG LỰC

COMPANY PROFILE

CẦU QUAY
JIB CRANES

DẦM TREO
MONORAIL

CẦU TRỤC
OVERHEAD CRANES

THANG TẢI HÀNG
FREIGHT ELEVATORS

CONTENT/ MỤC LỤC

PHẦN 1/ *PART 1*: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY - *COMPANY OVERVIEW*

1.1. Sứ mệnh – *Mission statement*
1.2. Hoài bão - *Vision*
1.3. Triết lý kinh doanh - *Business philosophy*
1.4. Giới thiệu Công ty – *About Company*
1.4.1. Thông tin về Công ty – *Business information*
1.4.2. Lĩnh vực hoạt động – *General business activities*
1.4.3. Các giấy chứng nhận - *Certificates*

PHẦN 2/ PART 2: NĂNG LỰC CÔNG TY - *COMPANY'S CAPACITY*

2.1. Năng lực và kinh nghiệm - *Experience and capacity*
2.2. Năng lực thiết kế, sản xuất, lắp đặt và cung cấp – *the capacity of design, fabricate, installation and supply*
2.3. Sơ đồ tổ chức Công ty - *Company organization chart*
2.4. Nguồn lực nhân sự - *Human resources*
2.5. Quy trình thiết kế, chế tạo và lắp đặt và kiểm soát chất lượng – *The process of designing, fabricating and installation and Quality control system*
2.6. Hệ thống quản lý sức khỏe, an toàn và môi trường – *Health, safety and environment management system* (HSE)

PHẦN 3: KINH NGHIỆM VÀ HÌNH ẢNH CÁC DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

PART 3: *EXPERIENCE AND PICTURE OF PROJECTS HAVE SUPPLIED*

PHẦN 1/ PART 1:

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY/ COMPANY OVERVIEW:

1.1. SỨ MỆNH – *MISSION STATEMENT*

1.2. HOÀI BÃO – *VISION*

1.3. TRIẾT LÝ KINH DOANH – *BUSINESS PHISOLOPHY*

1.4. GIỚI THIỆU CÔNG TY – *ABOUT COMPANY*

1.4.1.THÔNG TIN VỀ CÔNG TY – *BUSINESS INFORMATION*

1.4.2.LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG – *GENERAL BUSINESS ACTIVITIES*

1.4.3.*CÁC GIẤY CHỨNG NHẬN - CERTIFICATES*

1.1. SỨ MỆNH – *MISSION STATEMENT:*

Sứ mệnh của An Phát Đạt (ANP Cranes) là đem lại sự an toàn và hài lòng khi khách hàng sử dụng sản phẩm của chúng tôi về chất lượng và dịch vụ hậu mãi.

The Mission of An Phat Dat (ANP Cranes) is to bring safety and satisfaction when customers use our products for quality and after-sales service.

1.2. HOÀI BÃO – *VISION:*

Trở thành công ty chuyên nghiệp về lĩnh vực thiết bị nâng hạ.

Become a professional company in the field of lifting equipment.

1.3. TRIẾT LÝ KINH DOANH – *BUSINESS PHILOSOPHY:*

Không cung cấp sản phẩm chất lượng kém và giá rẽ,

Do not provide poor quality product and cheap price,

Chỉ cung cấp sản phẩm chất lượng với giá thành hợp lý,

Only provide high quality products with reasonable price,

Chú trọng về dịch vụ hậu mãi.

Focus on after-sales service.

1.4. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY – *ABOUT COMPANY:*

1.4.1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY – *BUSINESS INFORMATION*:

Tên Công ty: CÔNG TY TNHH MTV THIẾT BỊ CẦN TRỤC AN PHÁT ĐẠT (ANP CRANES)

Company name: *AN PHAT DAT CRANE EQUIPMENT CO., LTD.* (ANP CRANES)

Kinh nghiệm trong lĩnh vực Cần trục: năm 1997

Experience in Cranes business: *from 1997*

Năm thành lập: tháng 02 năm 2008

Year founded: *Febuary 2008*

Địa chỉ: 165/75 Nguyễn Thái Bình, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Address: *165/75 Nguyen Thai Binh Street, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.*

Tel: 84 8 3914 1801 **Fax**: 84 8 3914 1803

Email: anpcranes@anpcranes.com.vn

Website: www.anpcranes.com.vn

VAT code: 0305502999

1.4.2. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG – *GENERAL BUSINESS ACTIVITIES*:

1.4.2.1. CẦU TRỤC, CỔNG TRỤC, CẨU QUAY, DẦM TREO, KHUNG A, THANG MÁY – *OVERHEAD CRANES, GANTRY CRANES, MONORAILS, A FRAME, ELEVATORS*

CẦU TRỤC – *OVERHEAD CRANES*

CỔNG TRỤC – *GANTRY CRANES*

CẨU QUAY – *JIB CRANES*

DẦM TREO – *MONORAILS*

KHUNG A – *A FRAME*

THANG MÁY – *ELEVATORS*

1.4.2.2. CẨU THÁP, VẬN THĂNG, CẦN PHỐI BÊ TÔNG – *TOWER CRANES, CONSTRUCTION HOIST, CONCRETE PLACING BOOM*

CẨU THÁP – *TOWER CRANES*

VẬN THĂNG – *CONSTRUCTION HOIST*

CẦN PHỐI BÊ TÔNG – *CONCRETE PLACING BOOM*

1.4.2.3. CẦU NÂNG CHUYỂN – *DOCK LEVELLERS*

1.4.3. CÁC GIẤY CHỨNG NHẬN – *CERTIFICATES*:

CERTIFICATES FROM CLIENT:

JFE

THƯ CẢM ƠN

感 謝 状

Kính gửi: Ông Huỳnh Chí Thiện
Tổng Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Thiết Bị Cẩn Trục An Phát Đạt
An Phat Dat Crane Equipment Corp.
Director Mr. Huynh Chi Thien

đóng góp cho sự hoàn thành an toàn công trình nhà máy JFE MECHANICAL VIỆT NAM.
Đây được xem như là một món quà quý báu của cả quá trình thi công khẩn trương cùng với những kiến thức kỹ thuật xuất sắc mà phía công ty quý vị đem đến cho nhà máy của chúng tôi.
Nhân dịp tổ chức Lễ Hoàn Công, cùng với thư cảm ơn này, chúng tôi có chút quà kỷ niệm gửi đến quý vị cùng lời cảm ơn chân thành nhất./.

貴社は、弊社ベトナム工場建設工事に際し、卓越した技術と誠意ある対応により、完全無災害で完工されました。
これはひとえに貴社の優秀な技術と、従業員の皆様のご尽力の賜物であります。
よって、竣工式の挙行にあたり、本状ならびに記念品を贈り、深く感謝の意を表します。

Tổng Giám Đốc
社長

法領田 宏

HIROSHI HORYODA

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠI LÝ PA LĂNG DEMAG

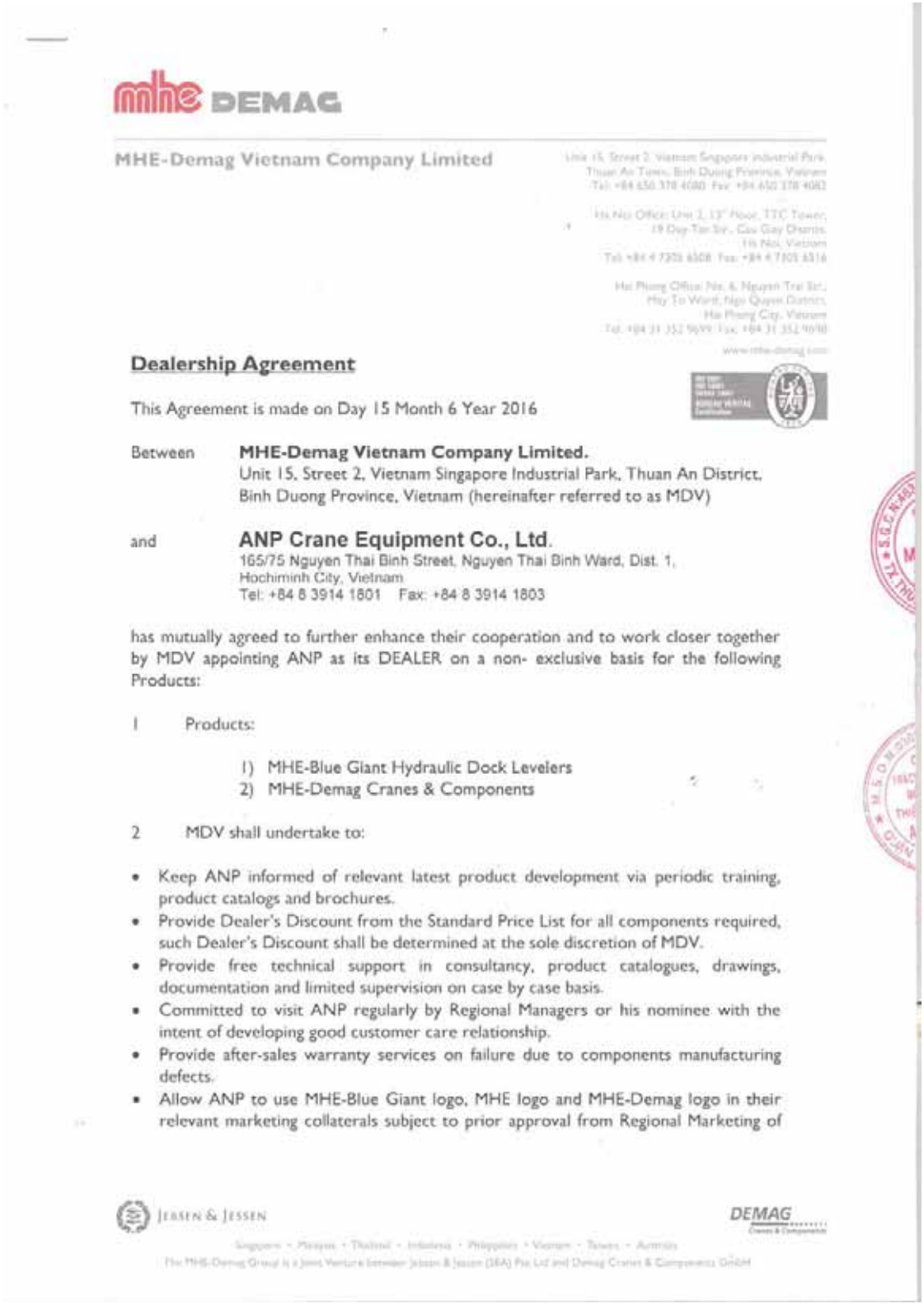

mhe DEMAG

MHE-Demag Vietnam Company Limited

Unit 15, Street 2, Vietnam Singapore Industrial Park,
Thuan An Town, Binh Duong Province, Vietnam
Tel: +84 650 378 4080 Fax: +84 650 378 4082

Ha Noi Office: Unit 2, 13th Floor, TTC Tower,
19 Duy Tan Str., Cau Giay District,
Ha Noi, Vietnam
Tel: +84 4 7305 6308 Fax: +84 4 7305 6316

Hai Phong Office: No. 6, Nguyen Trai Str.,
Hay To Ward, Ngo Quyen District,
Hai Phong City, Vietnam
Tel: +84 31 352 9699 Fax: +84 31 352 9690

www.mhe-demag.com

Dealership Agreement

This Agreement is made on Day 15 Month 6 Year 2016

Between **MHE-Demag Vietnam Company Limited.**
Unit 15, Street 2, Vietnam Singapore Industrial Park, Thuan An District,
Binh Duong Province, Vietnam (hereinafter referred to as MDV)

and **ANP Crane Equipment Co., Ltd.**
165/75 Nguyen Thai Binh Street, Nguyen Thai Binh Ward, Dist. 1,
Hochiminh City, Vietnam
Tel: +84 8 3914 1801 Fax: +84 8 3914 1803

has mutually agreed to further enhance their cooperation and to work closer together by MDV appointing ANP as its DEALER on a non- exclusive basis for the following Products:

1 Products:

1) MHE-Blue Giant Hydraulic Dock Levelers
2) MHE-Demag Cranes & Components

2 MDV shall undertake to:

- Keep ANP informed of relevant latest product development via periodic training, product catalogs and brochures.
- Provide Dealer's Discount from the Standard Price List for all components required, such Dealer's Discount shall be determined at the sole discretion of MDV.
- Provide free technical support in consultancy, product catalogues, drawings, documentation and limited supervision on case by case basis.
- Committed to visit ANP regularly by Regional Managers or his nominee with the intent of developing good customer care relationship.
- Provide after-sales warranty services on failure due to components manufacturing defects.
- Allow ANP to use MHE-Blue Giant logo, MHE logo and MHE-Demag logo in their relevant marketing collaterals subject to prior approval from Regional Marketing of

JESSEN & JESSEN DEMAG

Singapore • Malaysia • Thailand • Indonesia • Philippines • Vietnam • Taiwan • Australia
The MHE-Demag Group is a Joint Venture between Jessen & Jessen (SEA) Pte Ltd and Demag Cranes & Components GmbH

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠI DIỆN CẨU THÁP JARLWAY

REPRESENTATIVE CERTIFICATE FROM JARLWAY'S TOWER CRANES

JARLWAY XINXIN MACHINERY INC.
广州市佳尔华新鑫机械设备有限公司

5th October, 2015

Dear Valuable Customer,

We, Jarlway Xinxin Machinery Inc. the tower crane manufacturer hereby confirm that **ANP Crane Equipment Co., Ltd.** is our representative in Vietnam for Marketing & Providing all services including maintenance of Jarlway brand Tower Cranes. **ANP Crane Equipment Co., Ltd.** can sell Jarlway tower crane as well as spare parts in Vietnam territory.

Jarlway Xinxin Machinery Inc. confirms to support only our appointed representative in each territory on spare parts, warranty, training as well as technology update for making the proper calibrations and commissioning of the crane in order to have the proper function and best performances of our tower crane in the first commissioning at your job sites. Please contact and purchase tower cranes and spare parts directly from our representative to avoid the improper adjustment of the tower crane and imitation spare parts. Therefore Jarlway Xinxin Machinery Inc. shall not provide warranty or be responsible for the tower crane, which has not purchased or commissioned and installed or used in such appointed representative's territory.

Sincerely Yours,

Jarlway Xinxin Machinery Inc.

Xu Yi Chuang
Director

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẠI DIỆN VẬN THĂNG GJJ

REPRESENTATIVE CERTIFICATE FROM GJJ'S CONSTRUCTION HOIST

天津京龍工程機械有限公司
TIANJIN JINGLONG ENGINEERING MACHINERY CO.,LTD.
Add:Jiuyuan Industry Zone,Baodi District, Tianjin, China. Tel:+86-22-82000888 Fax:+86-22-22405229

Letter of Authorization

5th October, 2015

Dear Valuable Customer,

We, Tianjin Jinglong Engineering Machinery Co.,Ltd. the construction hoist manufacturer hereby confirm that **ANP Crane Equipment Co., Ltd.** is our representative in Vietnam for Marketing & Providing all services including maintenance of GJJ brand construction hoist. **ANP Crane Equipment Co., Ltd.** can sell GJJ brand construction hoist as well as spare parts in Vietnam territory.

Tianjin Jinglong Engineering Machinery Co.,Ltd. confirms to support only our appointed representative in each territory on spare parts, warranty, training as well as technology update for making the proper calibrations and commissioning of the crane in order to have the proper function and best performances of our GJJ brand construction hoist in the first commissioning at your job sites. Please contact and purchase GJJ brand construction hoist and spare parts directly from our representative to avoid the improper adjustment of the construction hoist and imitation spare parts. Therefore Tianjin Jinglong Engineering Machinery Co.,Ltd. shall not provide warranty or be responsible for the tower crane, which has not purchased or commissioned and installed or used in such appointed representative's territory.

Sincerely Yours,

Tianjin Jinglong Engineering Machinery Co.,Ltd.

Liang Xue Lian
Director

PHẦN 2/ PART 2:

NĂNG LỰC CÔNG TY/ *COMPANY'S CAPACITY:*

2.1. NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM – *EXPERIENCE AND CAPACITY*

2.2. NĂNG LỰC THIẾT KẾ, SẢN XUẤT, LẮP ĐẶT VÀ CUNG CẤP – *THE CAPACITY OF DESIGN, FABRICATE, INSTALLATION AND SUPPLY*

2.3. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY – *COMPANY ORGANIZATION CHART*

2.4. NGUỒN LỰC NHÂN SỰ – *HUMAN RESOURSES*

*2.4.1.*NHÂN SỰ CHỦ CHỐT – *KEY PERSONEL*

2.5. QUY TRÌNH THIẾT KẾ, CHẾ TẠO, LẮP ĐẶT VÀ GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG – THE PROCESS OF DESIGNING, FABRICATING, INSTALLATION AND QUALITY CONTROL SYSTEM

2.6. HỆ THỐNG QUẢN LÝ SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ MÔI TRƯỜNG – HEALTH, SAFETY AND ENVIRONMENT MANAGEMENT SYSTEM (HSE)

2.1. NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM – *EXPERIENCE AND CAPACITY:*

Tham gia vào lĩnh vực Cần trục từ năm 1997, đến năm 2008 thành lập Công ty Cần trục An Phát Đạt (ANP Cranes) tập hợp các kỹ sư và đội ngũ công nhân lành nghề có nhiều năm kinh nghiệm, đã từng tham gia nhiều các dự án của nước ngoài tại Việt Nam như: Pháp, Úc, Đan Mạch, Hà Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc và các Doanh nghiệp lớn trong nước.

Started in the field of cranes from 1997 to 2008, the company established An Phat Dat Crane Company (ANP Cranes) gathered skilled engineers and skilled workers have many years of experience, has been involved in many of the projects of foreign compnies in Vietnam such as France, Australia, Denmark, Netherlands, Japan, South Korea, Australia and other big Vietnamese enterprises.

Đội ngũ kỹ thuật và công nhân có nhiều kinh nghiệm về thiết kế, chế tạo, lắp đặt và bảo hành, bảo trì các thiết bị Cần trục như: Cầu trục, Cầu trục cẩu container, Cầu trục chống cháy nổ, Cổng trục, Bán cổng trục, Cẩu quay, Dầm treo, Thang máy, Cẩu tháp, Vận thăng, Cầu nâng chuyển…

The technical team and workers have extensive experience in designing, manufacture, installation and maintenance of the handling equipment such as: Overhead Cranes, Gantry Cranes, Container Cranes, Explosion Proof Cranes, Gantry Cranes, Semi Gantry Cranes, Jib Cranes, Monorail, Elevators, Tower Cranes, Construction Hoist, Dock Levellers, etc.

2.2. NĂNG LỰC THIẾT KẾ, SẢN XUẤT, LẮP ĐẶT VÀ CUNG CẤP – *THE CAPACITY OF DESIGN, FABRICATE AND SUPPLY:*

2.2.1. NĂNG LỰC THIẾT KẾ, SẢN XUẤT VÀ LẮP ĐẶT– *THE CAPACITY OF DESIGN, FABRICATE AND INSTALLATION:*

Khả năng thiết kế, chế tạo và lắp đặt Cầu trục, Cổng trục từ **0,5 tấn đến 50 tấn**.

*Ability to design, fabricate and installation of Overhead Cranes, Gantry Cranes from **0.5 tons to 50 tons.***

Khả năng cung cấp, chế tạo và lắp đặt Cầu trục, Cổng trục **lên đến 240 tấn**.

*Ability to supply, fabricate and installation of Overhead Cranes, Gantry Cranes **up to 240 tons.***

Đáp ứng được các yêu cầu nghiêm ngặt nhất của khách hàng đưa ra.

Meet the most stringent requirements of the customer.

Toàn bộ quá trình thiết kế, sản xuất và lắp đặt được giám sát chặt chẽ bởi các kỹ sư có kinh nghiệm và các chuyên gia nước ngoài, bảo đảm sản phẩm đạt chất lượng cao nhất và an toàn nhất khi đưa vào sử dụng.

The entire process of designning, fabricating and installation are monitored closely by experienced engineers and experts abroad, ensuring products meet the highest quality and most secure when put into use.

2.2.2. NĂNG LỰC CUNG CẤP – *THE CAPACITY OF SUPPLY:*

2.2.2.1. CẦU TRỤC, CỔNG TRỤC, THANG MÁY – *OVERHEAD CRANES, GANTRY CRANES, ELEVATORS*:

- **Thiết kế, chế tạo, lắp đặt, bảo hành, bảo trì**: Cầu trục, Cổng trục, Bán Cổng trục, Cẩu quay, Dầm treo, Khung A, Thang máy…

  ***Design, fabrication, installation and maintenance**: Overhead Cranes, Gantry Cranes, Semi Gantry Cranes, Jib Cranes, Monorails, A frame, Elevators, etc.*

- **Cung cấp, lắp đặt, bảo hành, bảo trì**: Pa lăng cáp điện, Pa lăng xích điện, Pa lăng kéo tay, Tời điện, Xe con điện, Xe con kéo tay, Xe con tay đẩy…

  ***Supply, installation and maintenance**: Electric Wire Rope Hoist, Electric Chain Hoist, Manual Chain Block, Winch, Motorized Trolley, Geared Trolley, Plain Trolley, etc.*

- **Cung cấp phụ tùng và linh kiện Cầu trục, Cổng trục, Pa lăng các loại:** Ray Cầu trục, Dầm biên, Mô tơ, Ray điện, Ray C và dây điện dẹp, Điều khiển từ xa…

  ***Supply Crane's component and Hoist's accessories**: Crane rails, End Carriers, Motor, Conductor rails, C track and flat cable, Remote control, etc.*

2.2.2.2. CẨU THÁP, VẬN THĂNG, CẦN PHỐI BÊ TÔNG – *TOWER CRANES, CONSTRUCTION HOIST, CONCRETE PLACING BOOM*:

- **Cung cấp, lắp đặt, bảo hành, bảo trì**: Cẩu tháp, Vận thăng, Sàn treo phục vụ nhà cao tầng, Cần phối bê tông.

  ***Supply, installation and maintenance**: Tower Cranes, Construction Hoists, Suspended Working Platform and Gondola, Concrete Placing Boom.*

2.2.2.3. CẦU NÂNG CHUYỂN – *DOCK LEVELLERS*:

- **Cung cấp, lắp đặt, bảo hành, bảo trì**: Cầu nâng chuyển.

  ***Supply, installation and maintenance**: Dock Levellers.*

2.3. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY – *COMPANY ORGANIZATION CHART:*

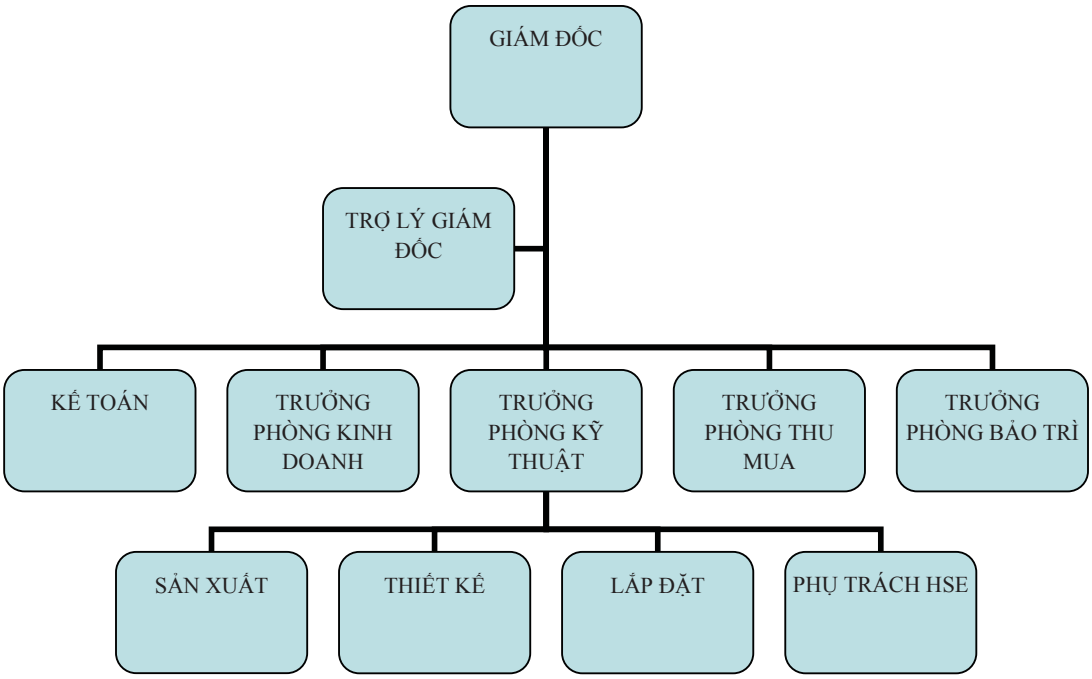

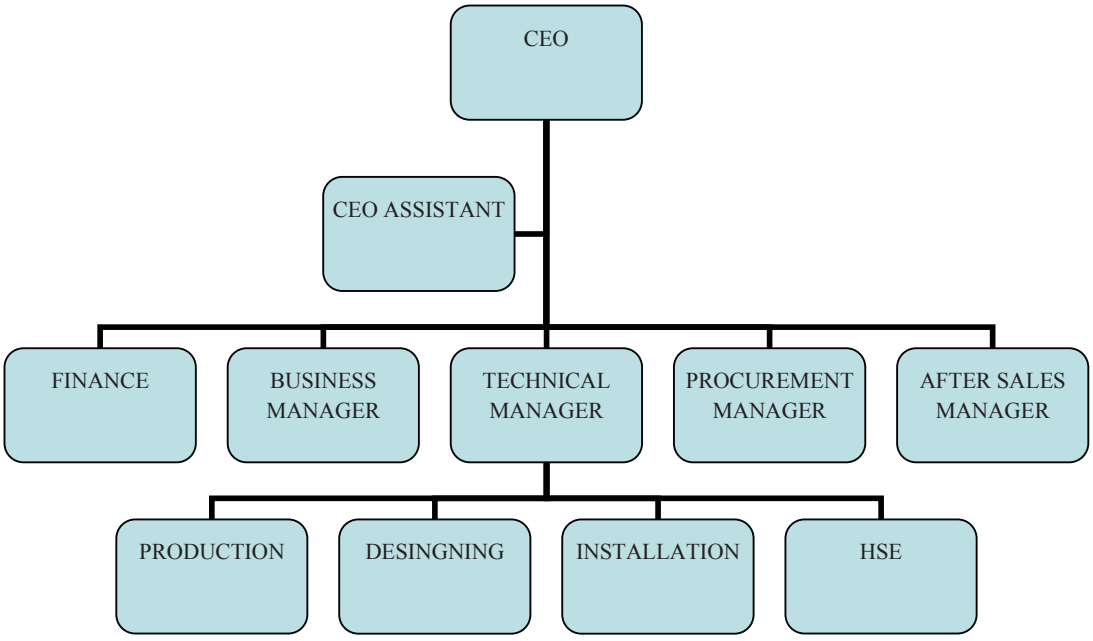

2.4. NGUỒN LỰC NHÂN SỰ – *HUMAN RESOURCES:*

Đội ngũ kỹ thuật và công nhân đã tham gia thiết kế, gia công và lắp đặt các dự án về Cần trục từ năm 2004 cho các dự án của nước ngoài tại Việt Nam như: Pháp, Úc, Đan Mạch, Hà Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc và các Doanh nghiệp lớn trong nước.

Đội ngũ kỹ thuật và công nhân đã được huấn luyện trực tiếp bởi các chuyên gia Cầu trục nước ngoài có nhiều kinh nghiệm.

2.4.1. NHÂN SỰ CHỦ CHỐT – *KEY PERSONEL:*

1. HUỲNH CHÍ THIỆN (Mr.)

Chức vụ: Giám đốc / *Position: Director*

Bằng cấp: Cử nhân Khoa học, ngành Quản trị Kinh doanh

Degree: Bachelor of science, business administration sector

Kinh nghiệm làm việc ngành Cần trục: từ năm 1997.

Experience in crane industry: since 1997.

MỘT SỐ DỰ ÁN TIÊU BIỂU ĐÃ THAM GIA: ***SOME TYPICAL PROJECTS HAVE PARTICIPATED***	
Cty Towa Việt Nam (Nhật Bản) *Towa Vietnam Company (Japan)*	Cty Nhật Nam - PVD Tech *Nhat Nam Co. – PVD Tech Project*
Cty SW - Young Wire Vina (Hàn Quốc) *SW Co. - Young Wire Vina (Korea)*	Cty Hyosung Việt Nam (Hàn Quốc) *Hyosung Việt Nam (Korea)*
Cty Atlas Copco (Thụy Điển) *Atlas Copco Co. (Sweden)*	Kubota Corp. (Nhật) *Kubota Corp. (Japan)*
Lilama 45-3	Cty Masan – *Masan Corp.*
Cty URC Vietnam (Malaysia) *URC Vietnam Co. (Malaysia)*	Cty Fujita (Nhật Bản) *Fujita Copr (Japan)*
Cty Cơ khí JFE Vietnam (Nhật) *JFE Mechanical Vietnam (Japan)*	LPG Thi Vai Project - PV Gas. *LPG Thi Vai Project - PV Gas.*
PVD- OSI Project *PVD- OSI Project*	Alpla Packaging Project (Áo) *Alpla Packaging Project (Autria)*
B&H - Vietsopetro	SEAS - Hai Minh project (Pháp)
Cty Juki (Nhật Bản) *Juki (Japan)*	Poslilama (Korea) *Poslilama (Korea)*
Cty Xi măng Hà Tiên 2 *Ha Tien 2 Cement Co.*	TCT XD số 1 *CC1*
Strategic Marine (Úc - Australia)	SSY – Triyards (Singapore)
Cty Promec Energy – Mitsubishi (Dự án trạm biến áp Tao Đàn) *Promec Energy Co - Mitsubishi (Tao Dan substation project)*	Cty bê tông đúc sẵn Vina - PSMC (Nhật) *Vina - PSMC Precast Concrte Co. (Japan)*
Cty CS Wind Tower (Hàn Quốc)	Cty Hazama (Nhật Bản)
Cty Kosteel Vina (Hàn Quốc)	Electricite de France - Phu My 2.2
Cty Xây lắp TM 2 (ACSC)	Cty Lilama 45-1 - Viglacera

Cty cáp & VLVT (Sacom)	Cty Soecon - Meverfa (Thái Lan)
Samco	Cty Môi trường đô thị Tp.HCM…

2. LÊ NGUYỄN ĐẠI NGUYÊN (Mr.)

Chức vụ: Trưởng phòng Kỹ thuật / *Position: Technical Manager*

Bằng cấp: Kỹ sư, ngành Cơ khí chuyên dùng

Degree: engineer, specialized in mechanical industry

Kinh nghiệm làm việc ngành Cần trục: từ năm 2004.

Experience in crane industry: since 2004.

MỘT SỐ DỰ ÁN TIÊU BIỂU ĐÃ THAM GIA: ***SOME TYPICAL PROJECTS HAVE PARTICIPATED:***	
Cty Ống thép Hữu Liên *Huu Lien Steel Pile Co.*	Cty dây cáp điện Taya (Đài Loan) *Taya Cable Co (Taiwan)*
Vedan	Bason
Cty nhôm Tung Kuang (Đài Loan) *Tung Kuang Aluminium Co. (Taiwan)*	Cty Bu loong ChinWell (Đài Loan) *Chinwell Fastener Co. (Taiwan)*
Cty CP Xây dựng Khang Hy *Khang Hy Construction Co.*	Cty thép Cẩm Nguyên *Cam Nguyen Steel Co.*
Nhà máy thép Thủ Đức *Thu Duc Steel Co.*	TCT Công nghiệp Tàu thủy Sài Gòn *Saigon Shipbuilding industry Co.*
Fusheng	Cơ điện lạnh REE – REE Copr.
Gạch men Taicera	PouYuen
Kenda	thép Vina Tafong
Toàn Mỹ	Casumina
Taffeta – Formosa	Cowin Fasteners
nhà máy thép Thủ Đức *Thu Duc Steel Co.*	Cty CP Cảng Đông Xuyên *Dong Xuyen Port Co.*
NM Giấy Sài Gòn – *Saigon Paper Mill*	Cty Hualon (Taiwan)
Cty TNHH Scancom Việt Nam	Cty Masan
Cty Fujita – Kawasaki Heat Metal Project	Cty CP Xây lắp Thương mại 2 (ACSC)
Cty CP nước khoáng Vĩnh Hảo	Cty TNHH JFE Mechanical Việt Nam
Cty URC Việt Nam	Cty Hữu Toàn
Sài Gòn Shipyard	CS Wind Tower

3. NGUYỄN TỰU (Mr.)

Chức vụ: Trưởng phòng Bảo trì / *Position: Maintenance Manager*

Bằng cấp: Kỹ sư, ngành Máy xây dựng

Degree: engineer, construction machinery industry

Kinh nghiệm làm việc ngành Cần trục: từ năm 2008.

Experience in crane industry: since 2008.

4. NGUYỄN VĂN ẤT (Mr.)

Chức vụ: Giám sát Sản xuất / *Position: Production Supervisor*

Bằng cấp: Trung cấp, ngành Cơ khí

Degree: intermediate, mechanical

Kinh nghiệm làm việc ngành Cần trục: từ năm 2000.

Experience in crane industry: since 2000.

5. PHẠM VƯƠNG (Mr.)

Chức vụ: Phụ trách Điện / *Position: Electrical*

Bằng cấp: Trung cấp, ngành Điện Tàu thủy

Degree: intermediate, ship power sector

Kinh nghiệm làm việc ngành Cần trục: từ năm 2008.

Experience in crane industry: since 2008.

2.5. QUY TRÌNH THIẾT KẾ, CHẾ TẠO, LẮP ĐẶT, KIỂM ĐỊNH, BÀN GIAO VÀ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG:

THE PROCESS OF DESIGNING, FABRICATING, INSTALLATION, INSPECTION, COMMISSIONING AND QUALITY CONTROL SYSTEM:

Các sản phẩm: Cầu trục, Cổng trục được thiết kế bằng phần mềm thiết kế chuyên dụng theo tiêu chuẩn CNS, Đài Loan và phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4244-05 kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn chế tạo (trên 12 năm kinh nghiệm). Vì thế, đảm bảo sản phẩm của chúng tôi đạt chất lượng và an toàn cao nhất khi sử dụng.

The products such as Overhead Cranes, Gantry Cranes was designed by specialized design software according to CNS Taiwanese standard and in accordance with the Vietnamese standard TCVN 4244-05 which combined with experience (over 12 years of experience). Therefore, ensure our products reach the highest safety and quality when operate.

SƠ ĐỒ QUY TRÌNH THIẾT KẾ, CHẾ TẠO, LẮP ĐẶT, KIỂM ĐỊNH, BÀN GIAO VÀ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

THE PROCESS OF DESIGNING, FABRICATION, INSTALLATION, INSPECTION, COMMISIONING AND QUALITY CONTROL

BƯỚC *STEP*	QUY TRÌNH THỰC HIỆN *IMPLEMENTATION CHART*	TRÁCH NHIỆM *RESPONSIBILITY*	NỘI DUNG CÔNG VIỆC *CONTENT OF WORK*
1	**LẬP KẾ HOẠCH - *PLANNING***		
	LÊN KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ *PLANNING, SCHEDULE*	Phòng Kỹ thuật *Technical Dept.*	Căn cứ thời hạn của Hợp đồng, lập tiến độ khảo sát, thiết kế, mua sắm, gia công và lắp đặt *Base on deadline of contract, make schedule of surveying, designing, procurement, fabricating and installation.*
2	**THIẾT KẾ - *DESIGN***		
	DỮ LIỆU ĐẦU VÀO, KHẢO SÁT THỰC TẾ *INPUT DATA, SURVEY AT SITE*	Phòng Kỹ thuật *Technical Dept.*	Căn cứ vào nội dung Hợp đồng, bản vẽ thi công của khách hàng, khảo sát thực tế trên công trường, để thống nhất các số liệu với khách hàng để tiến hành thiết kế. *Based on the content of the contract, the customer's construction drawing, survey at Site, two parties shall unify data and start to design.*
	THIẾT KẾ *DESIGN*	Phòng Kỹ thuật *Technical Dept.*	Tiến hành thiết kế với các số liệu hai bên đã thống nhất. *Design with data which two parties unified.*
	BẢN VẼ GIA CÔNG *SHOP DRAWING*	Phòng Kỹ thuật *Technical Dept.*	Phát hành bản vẽ gia công *Issue shop drawings*

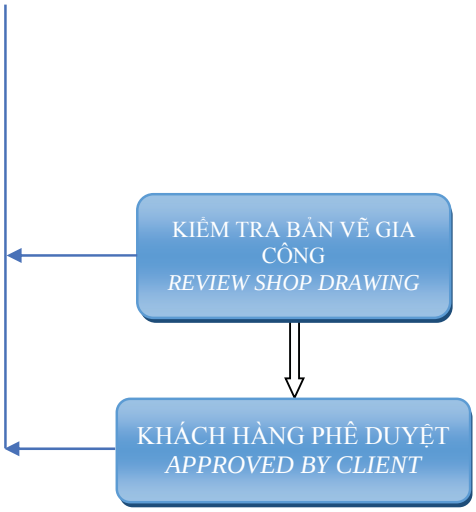

Trưởng phòng Kỹ thuật *Technical Manager*	Kiểm tra lại bản vẽ gia công trước khi chuyển cho khách hàng phê duyệt. *Review shop drawing before sending to client for approval*
Phòng Kỹ thuật Technical Dept.	Nếu khách hàng yêu cầu chỉnh sửa lại bản vẽ, quay lại bước thiết kế, Nếu khách hàng đồng ý bản vẽ, chuyển sang bước 3. *If client request correcting, turn back design step,* *If client accept, move on to step 3.*

3 DỰ TOÁN - *ESTIMATE*

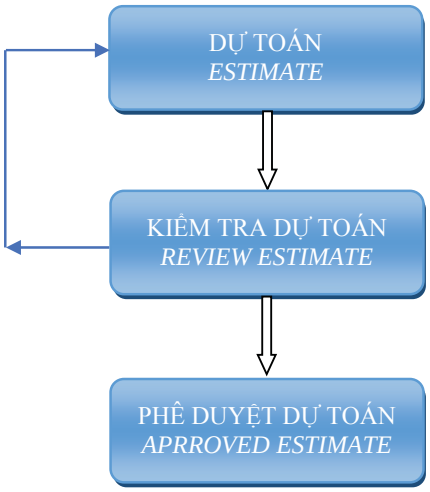

Phòng Kỹ thuật *Technical Dept.*	Tiến hành lập dự toán mua sắm vật tư, thiết bị. *Estimate equipment, materials.*
Trưởng phòng kỹ thuật *Technical Manager*	Kiểm tra lại bảng dự toán theo đúng bản vẽ đã được phê duyệt và Hợp đồng. *Review the estimate in accordance with the approved drawings and contract.*
Giám đốc *Director*	Kiểm tra lại bảng dự toán theo đúng bản vẽ đã được phê duyệt và Hợp đồng. *Review the estimate in accordance with the approved drawings and contract.*

3 MUA SẮM - *PROCUREMENT*

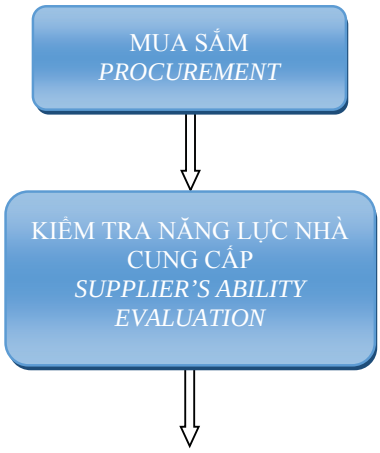

Phòng Vật tư *Purchasing Dept.*	Căn cứ bảng phê duyệt dự toán của Giám đốc, phòng Vật tư tiến hành hỏi giá từ các nhà Cung cấp. *Base on approved estimate from Director, Purchasing Dept. shall send the quotation request to Suppliers.*
Phòng Vật tư *Purchasing Dept.*	Kiểm tra năng lực nhà Cung cấp trước khi tiến hành đặt hàng. **Các bước kiểm tra:** 1. Kiểm tra hệ thống quản lý chất lượng của nhà Cung cấp. 2. Kiểm tra bảng kế hoạch kiểm soát chất lượng. 3. Khả năng cung cấp: 3.1. Kinh nghiệm ít nhất 3 năm 3.2. Xem xét hợp đồng, các dự án tương tự đã thực hiện. 3.3. Kiểm tra giấy chứng nhận chất lượng. 4. Giá cả: giá cả hợp lý nhất 5. Tiến độ giao hàng: sớm nhất ***Evaluate the Supplier's ability before order as below:*** 1. *Check the Supplier's quality manegement*

		system. 2. *Check the quality control plan.* 3. *Ability to supply such as* 3.1. *Experience at least 3 years* 3.2. *Review contracts, similar projects had supplied.* 3.3. *Check the quality certificates* 4. *Price: the most resonable price* 5. *Delivery schedule: soonest*
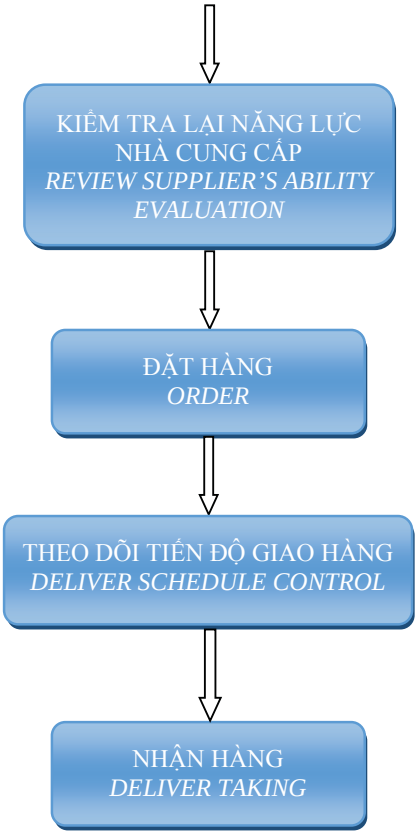	Trưởng Phòng Vật tư & Giám đốc *Purchasing Manager & Director* Giám đốc *Director* Phòng Vật tư *Purchasing Dept.* Phòng Vật tư & Kỹ thuật *Purchasing & Technical Dept.*	Kiểm tra lại năng lực nhà Cung cấp trước khi trình cho Giám đốc đặt hàng. *Review the Supplier's ability before submitting to Director for aprroval.* Ký đơn đặt hàng, Hợp đồng *Sign the Purchase Order, Contract* Theo dõi tiến độ giao hàng *Deliver schedule control* Kiểm tra và nghiệm thu về chất lượng và số lượng *Check and accept about quality and quantity*
3	**GIA CÔNG - *FABRICATE***	
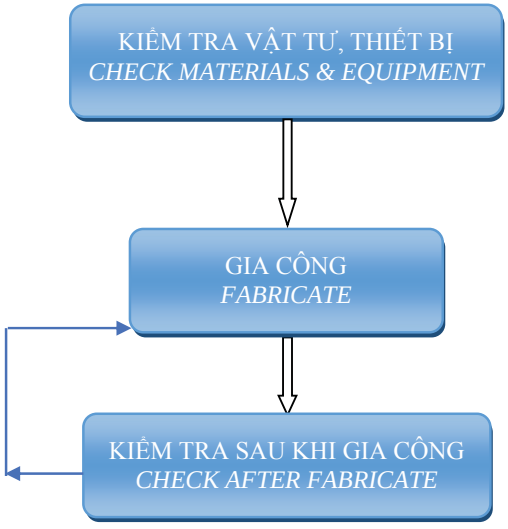	Bộ phận sản xuất *Production Section* Bộ phận sản xuất *Production Section* Trưởng bộ phận sản xuất *Production Manager*	Kiểm tra và nghiệm thu về chất lượng và số lượng theo bản dự toán đã được phê duyệt. *Check and accept about quality and quantity in accordance with approved's estimation sheet* Tiến hành gia công theo bản vẽ đã được phê duyệt. *Fabricate in accordance with approved's shop drawings* Kiểm tra và nghiệm thu: 1. Chất lượng và số lượng theo bản vẽ đã được phê duyệt. 2. Kiểm tra các kích thước 3. Kiểm tra mối hàn.

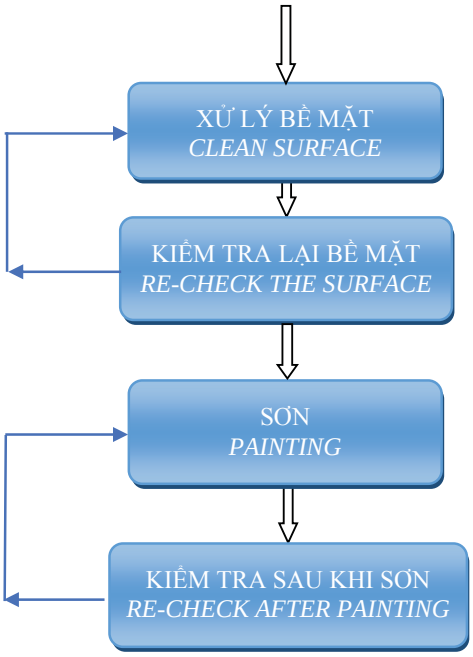

	Checking and acceptanpce: 1. *Quality and quantity in accordance with approved's shop drawing.* 2. *Check all dimensions* 3. *Check all weld joint*
Bộ phận sản xuất *Production Section*	Làm sạch bề mặt trước khi sơn *Clean surface before painting*
Trưởng bộ phận sản xuất *Production Manager*	Kiểm tra lại bề mặt trước khi sơn *Re-check the surface before painting*
Bộ phận sản xuất *Production Section*	Tiến hành sơn theo tiêu chuẩn *Paint according standard*
Trưởng bộ phận sản xuất *Production Manager*	Kiểm tra lại bề mặt sau khi sơn *Re-check the surface after painting*

4 LẮP ĐẶT - *INSTALLATION*

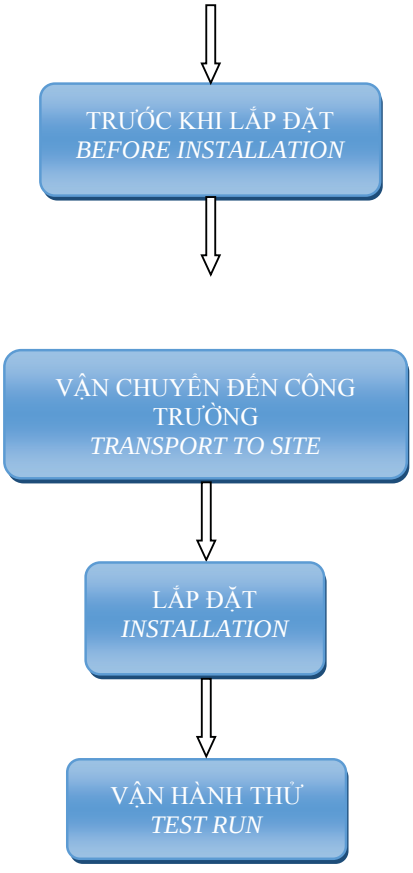

Phòng Kỹ thuật *Technical Dept.*	Trước khi lắp đặt: 1. Kiểm tra đường vào công trường, mặt bằng lắp đặt, điện thi công… 2. Chuẩn bị nhân lực, phương tiện lắp đặt *Before installation:* 1. *Check access to Site, installation plan, power, etc.* 2. *Prepare manpower, installation facilities.*
Phòng Thu mua & đơn vị vận chuyển *Purchasing Dept. & Transportation Co.*	Vận chuyển toàn bộ vật tư, thiết bị đến công trường. *Transport all materials and equipment to Site*
Phòng Kỹ thuật & Đội lắp đặt *Technical Dept. & Installation team*	Tuân thủ quy trình lắp đặt và các quy định an toàn trong quá trình lắp đặt. *Comply with installation procedure and safety regulations in installation*
Phòng Kỹ thuật & Đội lắp đặt *Technical Dept. & Installation team*	Kiểm tra sau khi hoàn thiện lắp đặt và cho chạy thử không tải. *Check after completing installation and test run without load.*

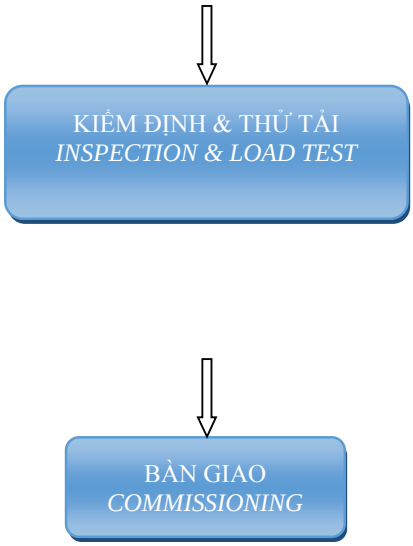

Phòng Kỹ thuật & Đội lắp đặt *Technical Dept. & Installation team*	Sau khi chạy thử đạt yêu cầu sẽ tiến hành mời các bên bao gồm: 1. Đại diện bên Mua 2. Đại diện bên Cung cấp và 3. Bên kiểm định tiến hành kiểm định và thử tải theo tiêu chuẩn VN 4244-2005. *After test run is pass, the next step shall invite parties include:* *1. Representative of Purchaser* *2. Representative of Supplier and* *3. Representative of Inspection party* *Carry out inspection and load test according to Vietmamese standard TCVN 4244-2005*
Phòng Kỹ thuật *Technical Dept.*	Sau khi kiểm định và thử tải đạt yêu cầu, bên Cung cấp sẽ tiến hành bàn giao cho bên Mua sử dụng. *After inspection and load test is pass, the Supplier shall commissioning to the Purchaser using.*

PHẦN 3/ PART 3:

KINH NGHIỆM VÀ HÌNH ẢNH CÁC DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN

EXPERIENCE AND PICTURE OF PROJECTS HAVE SUPPLIED

1.1. CẦU TRỤC, CỔNG TRỤC, BÁN CỔNG TRỤC, CẦU QUAY, MONORAIL, KHUNG A

OVERHEAD CRANES, GANTRY CRANES, SEMI GANTRY CARNES, JIB CRANES, MONORAILS, A FRAME.

1.1.1.* CẦU TRỤC - *OVERHEAD CRANES:

1.1.1.1. CẦU TRỤC ĐÔI - *OVERHEAD CRANES, DOUBLE GIRDER TYPE. P. 31*

1.1.1.2. CẦU TRỤC ĐƠN - *OVERHEAD CRANES, SINGLE GIRDER TYPE. P. 40*

1.1.1.3. CẦU TRỤC TREO – SUSPENSION *OVERHEAD CRANES. P. 56*

1.1.2. CỔNG TRỤC - *GANTRY CRANES.* ---------- *P. 57*

1.1.3. BÁN CỔNG TRỤC - *SEMI GANTRY CARNES* ---------- *P. 63*

1.1.4. CẦU QUAY - *JIB CRANES* ---------- *P. 66*

1.1.5. MONORAIL ---------- P. 68

1.1.6. KHUNG A - *A FRAME* ---------- *P. 70*

1.2.* THANG MÁY – *ELEVATORS* ---------- *P. 71

1.3. CẨU NÂNG CHUYỂN - *DOCK LEVELLERS* ---------- *P. 73*

1.4. CẨU THÁP, VẬN THĂNG – *TOWER CRANES, CONSTRUCTION HOISTS P. 74*

1.1.1.1. CẦU TRỤC DẦM ĐÔI - *OVERHEAD CRANES, DOUBLE GIRDER TYPE*:

CLIENT: KOREA IN TAN THUAN EZP, HCMC
Overhead Crane, Double girder type, Capacity: 10T, Span: 9m, Lifting height: 5.5m, Length: 25m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: KOREA IN NHON TRACH 5 IP, DONG NAI PROVINCE.
Overhead Crane, Double girder type, Capacity: 3T, Span: 23.25m, Lifting height: 6.6m, Length: 120m. Q'ty: 2 units

CLIENT: IN DONG XUYEN IP, BA RIA – VUNG TAU PROVINCE.
Overhead Crane, Double girder type, Capacity: 15T, Span: 23m, Lifting height: 6.5m, Length: 45m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN DONG XUYEN IP, BA RIA – VUNG TAU PROVINCE.
Overhead Crane, Double girder type, Capacity: 15T, Span: 24m, Lifting height: 6.5m, Length: 40m. Q'ty: 2 units

CLIENT: KOREA IN LONG BINH IP, DONG NAI PROVINCE.
Overhead Crane, Double girder type, Capacity: 5T, Span: 20m, Lifting height: 8m, Length: 52m. Q'ty: 2 units

CLIENT: IN PHU MY 1, BA RIA – VUNG TAU PROVINCE
Overhead Crane, Double girder type, Capacity: 10T, Span: 20.5m, Lifting height: 8.5m, Length: 70m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: JAPAN IN NHON TRACH 3 IP, DONG NAI PROVINCE.
Overhead Crane, Double girder type, Capacity: 20/10T, Span: 23.5m, Lifting height: 12m, Length: 105m. Q'ty: 1 unit
Overhead Crane, Double girder type, Capacity: 20T, Span: 23.5m, Lifting height: 12m. Q'ty: 1 unit
Overhead Crane, Double girder type, Capacity: 10/5T, Span: 18.5m, Lifting height: 12m, Length: 105m. Q'ty: 1 unit
Overhead Crane, Double girder type, Capacity: 10T, Span: 18.5m, Lifting height: 12m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN LONG THANH IZ, DONG NAI PROVINCE
Overhead Crane, Double girder type, Capacity: 5T, Span: 20.38m, Lifting height: 7.8m, Length: 74m. Q'ty: 4 units

CLIENT: DENMARK IN SONG THAN 1 IZ, BINH DUONG PROVINCE
Inverter Overhead Crane, Double girder type, Capacity: 12T, Span: 18.6m, Lifting height: 6m, Length: 40m.
Q'ty: 1 unit

BEFORE MODIFY

AFTER MODIFY & UPGRADE

CLIENT: IN MY XUAN A IZ, BA RIA – VUNG TAU PROVINCE

MODIFY AND UPGRADE FOR OVERHEAD CRANE, DOUBLE GIRDER TYPE, CAPACITY: 5T. Q'TY: 1 UNIT

OVERHAUL CONTENT INCLUDE:

1. REPLACE THE ELECTRICAL SYSTEM FOR CROSS TRAVEL
2. MODIFY END CARRIER, CRANE RAILS.
3. REPLACE RUNWAY BEAM
4. REPAINT ALL CRANE

CLIENT: IN BAO MINH IZ, NAM DINH PROVINCE

Overhead Crane, Double girder type, Capacity: 5T, Span: 14.46m, Lifting height: 10m, Length: 72m. Q'ty: 4 units

CLIENT: IN BAO MINH IZ, NAM DINH PROVINCE
Overhead Crane, Double girder type, Capacity: 5T, Span: 14.46m, Lifting height: 10m, Length: 72m. Q'ty: 4 units

CLIENT: IN CU CHI DIST, HO CHI MINH CITY
Overhead Crane, Double girder type, Capacity: 4T (2T+2T), Span: 33.5m, Lifting height: 8m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: KOREA IN GIANG DIEN IZ, DONG NAI PROVINCE
Overhead Crane, Double girder type, Capacity: 5T, Span: 20m, Lifting height: 4.2m, Length: 30m.
Q'ty: 1 unit

1.1.1.2. CẦU TRỤC DẦM ĐƠN - *OVERHEAD CRANES, SINGLE GIRDER TYPE*:

CLIENT: JAPAN IN NHON TRACH 3 IP, DONG NAI PROVINCE.
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 5T, Span: 12m, Lifting height: 5m, Length: 56m. Q'ty: 1 unit
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 5T, Span: 12m, Lifting height: 5m, Length: 64m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: SWEDEN IN SONG THAN 2 IP, BINH DUONG PROVINCE.
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 5T, Span: 16m, Lifting height: 6.5m, Length: 21m.
Q'ty: 1 unit

CLIENT: JAPAN IN MY PHUOC 3 IP, BINH DUONG PROVINCE.
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 3T, Span: 10m, Lifting height: 4.2m, Length: 35.6m. Q'ty: 1 unit

CLIENT:IN CAI MEP IP, BA RIA – VUNG TAU PROVINCE.
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 10T, Span: 6m, Lifting height: 14.3m, Length: 14.2m.
Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN CAI MEP IP, BA RIA – VUNG TAU PROVINCE.
Explosion Proof Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 10T, Span: 12.5m, Lifting height: 6m, Length: 29m. Q'ty: 1 unit
Explosion Proof Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 10T, Span: 12.5m, Lifting height: 6m, Length: 23m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: JAPAN IN TAN THUAN EZP
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 2T, Span: 14.15m, Lifting height: 4m, Length: 43.5m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN PHU MY 1, BA RIA – VUNG TAU PROVINCE
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 7.5T, Span: 6.5m, Lifting height: 7.5m, Length: 70m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: AUSTRIA IN DONG NAM IZ, CU CHI, HO CHI MINH CITY
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 5T, Span: 13.89m, Lifting height: 5.5m, Length: 90m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: JAPAN IN MY PHUOC 3 IZ, BINH DUONG PROVINCE
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 3T, Span: 15.8m, Lifting height: 5m, Length: 30m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN DONG XUYEN IZ, BA RIA – VUNG TAU PROVINCE
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 5T, Span: 11.5m, Lifting height: 5.5m, Length: 36m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN CU CHI DIST, HO CHI MINH CITY.
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 3T, Span: 19m, Lifting height: 6m, Length: 72m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN CU CHI DIST, HO CHI MINH CITY.
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 5T, Span: 19m, Lifting height: 6m, Length: 72m. Q'ty: 2 units

CLIENT: JAPAN IN LONG DUC IZ, DONG NAI PROVINCE.
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 2T, Span: 18.2m, Lifting height: 9.2m, Length: 64m. Q'ty: 2 units

CLIENT: IN DONG XUYEN IZ, BA RIA – VUNG TAU PROVINCE.
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 10T, Span: 18.2m, Lifting height: 12m, Length: 36m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN VINH LOC A IZ, HO CHI MINH CITY
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 2T, Span: 18.5m, Lifting height: 6m, Length: 45m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: JAPAN IN ACCENDAS IZ, BINH DUONG PROVINCE

Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 0.5T, Span: 18.79m, Lifting height: 5.75m, Length: 120m. Q'ty: 1 unit
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 0.5T, Span: 18.79m, Lifting height: 5.75m. Q'ty: 3 units
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 1T, Span: 18.79m, Lifting height: 5.75m, Length: 120m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN DONG XUYEN IZ, VUNG TAU PROVINCE
Overhead Crane (outdoor type) , Single girder type, Capacity: 2T, Span: 11.7m, Lifting height: 6m, Length: 24m. Q'ty: 1 unit

CLIENT:IN CA MAU PROVINCE
Explosion proof Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 3T, Span: 18.5m, Lifting height: 6m, Length: 30m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN CU CHI, HO CHI MINH CITY
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 6T(3T+3T), Span: 14m, Lifting height: 5.7m, Length: 20.5m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: KOREA IN Minh Hung IZ, Binh Phuoc Province
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 3T, Span: 20m, Lifting height: 5m, Length: 66m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN CU CHI DIST, HO CHI MINH CITY.
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 3T, Span: 15.88m, Lifting height: 6m, Length: 72m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN CU CHI DIST, HO CHI MINH CITY.
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 5T, Span: 15.88m, Lifting height: 6m, Length: 72m. Q'ty: 1 unit
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 3T, Span: 15.88m, Lifting height: 6m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN CU CHI DIST, HO CHI MINH CITY.
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 2T, Span: 18.5m, Lifting height: 3.8m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN CU CHI DIST, HO CHI MINH CITY.
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 2T (1T+1T), Span: 9.3m, Lifting height: 7.1m, Length: 13m. Q'ty: 2 units

CLIENT: IN CU CHI DIST, HO CHI MINH CITY.
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 1T, Span: 4.75m, Lifting height: 4.9m, Length: 28.3m. Q'ty: 2 units

CLIENT: JAPAN IN NAM TAN UYEN IP, BINH DUONG PROVINCE.
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 3T, Span: 13.5m, Lifting height: 5m, Length: 46m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: KOREA IN GIANG DIEN IZ, DONG NAI PROVINCE.
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 8T, Span: 23.2m, Lifting height: 4.5m, Length: 54m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: NETHERLANDS IN MY PHUOC 3 IZ, BINH DUONG PROVINCE.
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 2T, Span: 17.62m, Lifting height: 4.7m, Length: 24m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: JAPAN IN NHON TRACH IZ, DONG NAI PROVINCE.
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 2.8T, Span: 23.35m, Lifting height: 7.45m, Length: 90m. Q'ty: 2 units
Overhead Crane, Single girder type, Capacity: 2.8T, Span: 18.4m, Lifting height: 7.45m, Length: 90m. Q'ty: 2 units

1.1.1.3. CẦU TRỤC TREO – *SUSPENSION OVERHEAD CRANES*:

CLIENT: IN BA RIA – VUNG TAU PROVINCE
Suspension Overhead Crane, Capacity: 2.5T, Span: 3.6m, Lifting height: 5.1m, Length: 13m. Q'ty: 1 unit

1.1.2. CỔNG TRỤC - *GANTRY CRANES*:

CLIENT: TAIWAN IN NGUYEN VAN LINH - PHU MY HUNG, DIST. 7, HO CHI MINH CITY.
Gantry Crane, Capacity: 10T, Span: (6+20+6)m. Q'ty: 2 units

CLIENT: JAPAN IN DONG NAI PROVINCE.
Low Space Gantry Crane, Single girder type, Capacity: 5T, Span: 11m, Lifting height: 3.6m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: JAPAN IN LONG DUC IZ, DONG NAI PROVINCE.
Gantry Crane, Single girder type, Capacity: 2T, Span: 9m, Lifting height: 5m, length: 11m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN NHA BE DIST., HO CHI MINH CITY.
Gantry Crane, Double girder type, Capacity: 240T(120T+120T/10T), Span: 50.5m, Lifting height: (24+4)m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN CU CHI, HO CHI MINH CITY.
Gantry Crane, Single girder type, Capacity: 2T, Span: 20.5m, Lifting height: 5.7m, length: 20m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN CU CHI, HO CHI MINH CITY.
Gantry Crane, Single girder type, Capacity: 2T, Span: 6m, Lifting height: 4m, length: 70m. Q'ty: 2 units

CLIENT: IN CU CHI, HO CHI MINH CITY.
Gantry Crane, Single girder type, Capacity: 2T, Span: 7m, Lifting height: 6m, length: 10m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN CU CHI, HO CHI MINH CITY.
Gantry Crane, Single girder type, Capacity: 2T, Span: 10m, Lifting height: 6m, length: 13.5m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN NHON TRACH, DONG NAI PROVINCE.
Gantry Crane, Double girder type, Capacity: 10T, Span: 20m, Lifting height: 8m, length: 222m. Q'ty: 2 units

CLIENT: JAPAN IN NHON TRACH, DONG NAI PROVINCE.

Gantry Crane without crane rails, Single girder type, Capacity: 2.8T, Span: 18m, Lifting height: 3.15m, length: 25m.
Q'ty: 1 unit

1.1.3. BÁN CỔNG TRỤC – SEMI *GANTRY CRANES*:

CLIENT: IN LONG THANH, DONG NAI PROVINCE.
Semi Gantry Crane, Single girder type, Capacity: 3T, Span: 14.5m, Overhang: 1.95m, Lifting height: 3.7m, length: 59m. Q'ty: 04 units

CLIENT: JAPAN IN NHON TRACH 3, DONG NAI PROVINCE.
Semi Gantry Crane, Single girder type, Capacity: 3T, Span: 5m, Lifting height: 4m, length: 37 m. Q'ty: 02 units

CLIENT: JAPAN IN ACCENDAS IZ, BINH DUONG PROVINCE
Semi Gantry Crane without crane rails, Single girder type, Capacity: 150 kgs, Span: 14.4m, Lifting height: 3.5m, length: 50m. Q'ty: 04 units

CLIENT: IN HO CHI MINH CITY.
Semi Gantry Crane without crane rails, Single girder type, Capacity: 1.5T, Span: 8.75m, Lifting height: 3.9m, length: 30m. Q'ty: 1 unit

1.1.4. CẨU QUAY – JIB CRANES:

CLIENT: IN VSIP, BINH DUONG PROVINCE.
Jib Crane 180º, Capacity: 1.5T, Boom length: 5m, Lifting height: 2.5m.
Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN PHU MY 1, BA RIA – VUNG TAU PROVINCE
Jib Crane 180º, Capacity: 3T, Boom length: 3.5m, Lifting height: 4m. Q'ty: 1 unit
Jib Crane 360º, Capacity: 3T, Boom length: 4.2m, Lifting height: 4m. Q'ty: 2 units

CLIENT: IN PHU MY 1, BA RIA – VUNG TAU PROVINCE
Jib Crane 360º, Capacity: 3T, Boom length: 4.2m, Lifting height: 4m. Q'ty: 2 units

CLIENT: IN CU CHI, HO CHI MINH CITY
Jib Crane 360º, Capacity: 0.5T, Boom length: 4m, Lifting height: 4m. Q'ty: 1 unit

1.1.5. MONORAILS:

CLIENT: KOREA IN NHON TRACH 5 IP, DONG NAI PROVINCE
Monorail 3T, Length: 6m, Lifting height: 2.8m. Q'ty: 1 unit
Monorail 1T, Length: 3m, Lifting height: 12.2m. Q'ty: 1 unit
Monorail 0.5T, Length: 8m, Lifting height: 3.3m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN CU CHI DIST, HO CHI MINH CITY
Monorail 1T (0.5T+0.5T), Span: 6.8m, Length: 36.7m, Lifting height: 4.8m. Q'ty: 1 unit

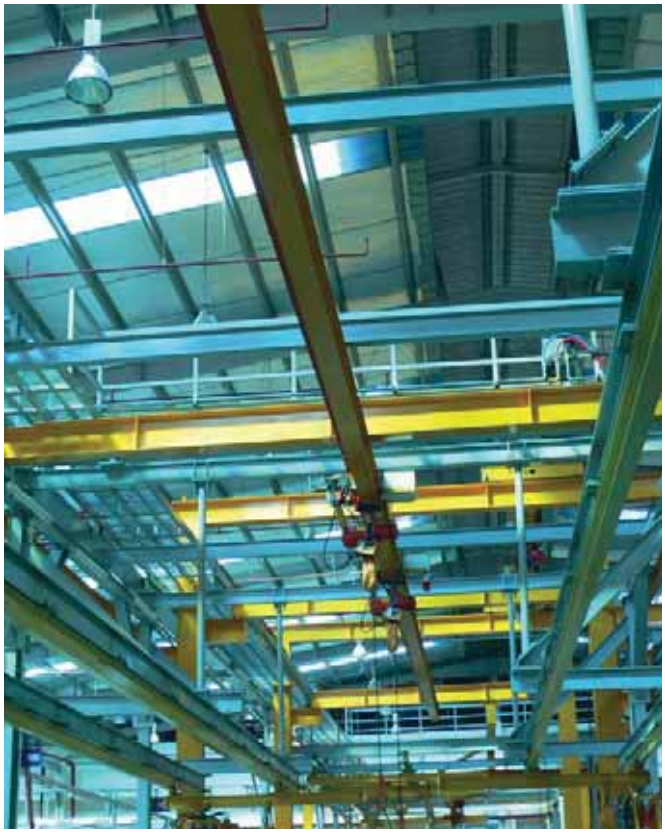

CLIENT: IN CU CHI DIST, HO CHI MINH CITY
Monorail 2T (1T+1T), Span: 7m, Length: 18.5m, Lifting height: 3.9m. Q'ty: 02 units

1.1.6. KHUNG A – *A FRAME*:

CLIENT: IN TAN DONG HIEP A IP, DI AN, BINH DUONG PROVINCE.
A Frame 1T, Span: 3m, Lifting height: 3m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN BINH DUONG PROVINCE.
A Frame 1T, Span: 2.5m, Lifting height: 3m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN Bien Hoa 2, Dong Nai Province
A Frame 1T, Span: 3.2m, Lifting height: 3.1m. Q'ty: 1 unit

1.2. THANG MÁY - *ELEVATORS*:

CLIENT: JAPAN IN TAN THUAN EZP, HO CHI MINH CITY
Freight elevator, capacity: 1500kgs, 2 stops, speed: 30mpm. Q'ty: 1 unit

CLIENT: JAPAN IN TAN THUAN EZP, HO CHI MINH CITY
Dumpwaiter, capacity: 300kgs, 2 stops, speed: 15mpm. Q'ty: 1 unit

CLIENT: IN HIEP PHUOC IP, HO CHI MINH CITY
Freight elevator, capacity: 750kgs, 2 stops, speed: 6mpm. Q'ty: 1 unit

CLIENT: JAPAN IN TAN THUAN EZP, HO CHI MINH CITY
Freight elevator, capacity: 2000kgs, 2 stops, speed: 15mpm. Q'ty: 1 unit

CLIENT: JAPAN IN TAN THUAN EZP, HO CHI MINH CITY
Freight elevator, capacity: 2000kgs, 2 stops, speed: 15mpm. Q'ty: 1 unit

CLIENT: JAPAN IN TAN THUAN EZP, HO CHI MINH CITY
Freight elevator, capacity: 1000kgs, 3 stops, speed: 6.7mpm. Q'ty: 1 unit

CLIENT: JAPAN IN TAN THUAN EZP, HO CHI MINH CITY
Freight elevator, capacity: 1000kgs, 2 stops, speed: 6.7mpm. Q'ty: 1 unit

1.3. CẦU NÂNG CHUYỂN – *DOCK LEVELLERS*:

CLIENT:IN BINH DUONG PROVINCE
DOCK LEVELLERS, CAPACITY: 13.6T/6.8T. Q'TY: 10 UNITS
Dock Levellers, capacity: 13.6T/6.8T. Q'ty: 10 units

1.4. CẨU THÁP, VẬN THĂNG – *TOWER CRANES, CONSTRCUTION HOIST*:

PROJECT: THAO DIEN, DISTC. 2, HO CHI MINH CITY. Tower Crane, Model: TC5013x90m. Q'ty: 1 unit

PROJECT: THE CBD, DISTC. 2, HO CHI MINH CITY. Tower Crane, Model: TC5013x90m. Q'ty: 1 unit

PROJECT: NGUYEN DINH CHIEU, DISTC. 1, HO CHI MINH CITY
Tower Crane – Luffing type, Model: JTL85C5x40m. Q'ty: 1 unit

PROJECT: UNIVERSITY OF ECONOMICS AND LAW, DISTC. 9, HO CHI MINH CITY
Tower Crane – Luffing type, Model: JTL110D6x84.4m. Q'ty: 1 unit

PROJECT:Office Buliding, Nam Ky Khoi Nghia, Dist. 3, Ho Chi Minh City
Tower Crane – Luffing type, Model: JTL110D6x84.4m. Q'ty: 1 unit

CLIENT: XI GRAND COURT PROJECT, DISTC. 10, HO CHI MINH CITY
CONSTRUCTION HOIST, MODEL: SC200/200GDx100M. Q'TY: 2 UNITS
CONSTRUCTION HOIST, MODEL: SC200/200GDx50M. Q'TY: 2 UNITS

CẨU THÁP - TOWER CRANES

CẨU THÁP GẬT GÙ
LUFFING TOWER CRANES

VẬN THĂNG
CONSTRUCTION HOIST

CẦU NÂNG CHUYỂN
DOCK LEVELLERS

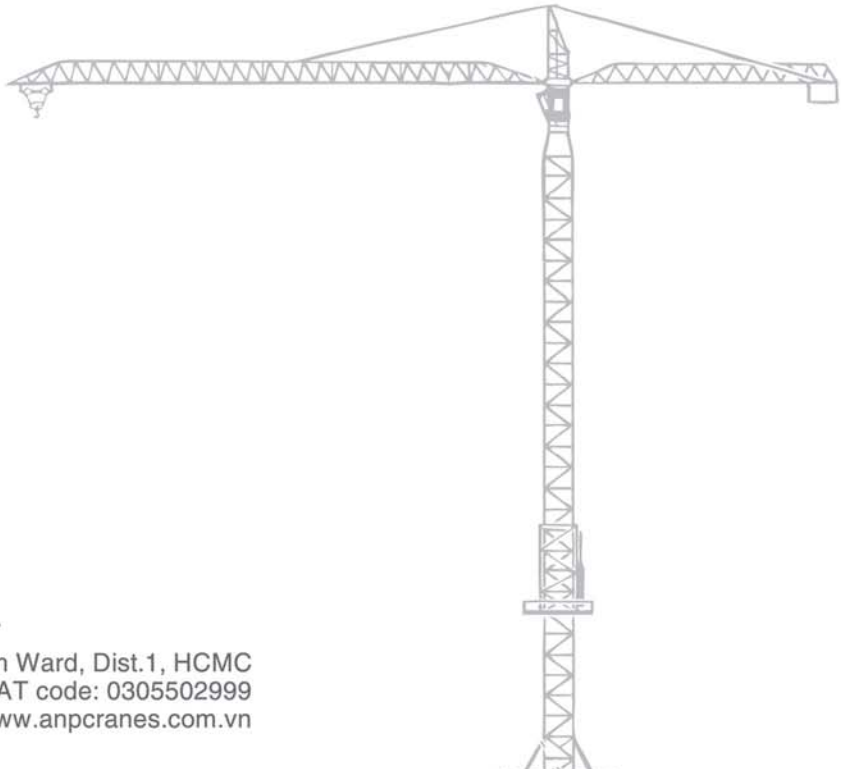

CRANE EQUIPMENT

AN PHAT DAT *Crane Equipment Co.,Ltd.*

Add: 165/75 Nguyen Thai Binh Str., Nguyen Thai Binh Ward, Dist.1, HCMC
Tel: +84 8 3914 1801 • Fax: +84 8 3914 1803 • VAT code: 0305502999
Email: anpcranes@anpcranes.com.vn • Website: www.anpcranes.com.vn